

**BẢNG TIÊU CHÍ XÉT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CẤP KHOA
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2019 - 2020**

Khóa/ Ngành	SL SV	Học phí/ 1SV/học kỳ	Tổng Học phí toàn trường	Số tiền trích Học bổng (8%)	Tỷ lệ % trích HB	Số tiền còn phải chi	Quỹ Học bổng của từng ngành	Số suất HB chuẩn	Số suất Học bổng			Tổng Số tiền Học bổng	Chênh lệch
									XS	G	K		
1	2	3	4=3*2	5=4*8%	6=5/S cột 5	7=6*B	8=5+7	9	10	11	12	13	14 = 8-13
2016													
KHMT	126	2,360,000	297,360,000	23,788,800	7%	12,069,298	35,858,098	22	8	8		32,096,000	3,762,098
HTTTQL	64	2,360,000	151,040,000	12,083,200	4%	6,130,437	18,213,637	11	5	5		20,060,000	(1,846,363)
2017													
KHMT	180	5,040,000	907,200,000	72,576,000	22%	36,821,586	109,397,586	31		17	20	110,376,000	(978,414)
HTTTQL	135	6,480,000	874,800,000	69,984,000	21%	35,506,529	105,490,529	23		10	19	106,920,000	(1,429,471)
2018													
KHMT	110	5,160,000	567,600,000	45,408,000	14%	23,037,844	68,445,844	19	5	10		61,920,000	6,525,844
HTTTQL	88	5,780,000	508,640,000	40,691,200	12%	20,644,766	61,335,966	15	5	8		61,268,000	67,966
CNTT	155	5,780,000	895,900,000	71,672,000	21%	36,362,940	108,034,940	27	12	11		113,866,000	(5,831,060)
TỔNG	858	32,960,000	4,202,540,000	336,203,200	100%	170,573,400	506,776,600	148	35	69	39	506,506,000	270,600

- A: Quỹ học bổng nhà trường phân bổ

506,776,600 đồng

- B = A - S cột 5: Chênh lệch của Quỹ Học bổng nhà trường và tỷ lệ trích của Khoa

170,573,400 đồng

- Cột 17 <= 0; Trường hợp C chưa <=0 các Khoa tiếp tục cân đối số suất HB cho đến hết phần kinh phí đã được phân bổ

- Căn cứ điểm trung bình học tập và điểm rèn luyện các Khoa xét theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết số suất HB theo kinh phí đã được phân bổ

Ghi chú:

- Cột 16 = (Cột 13 x Cột 6 x 130%) + (Cột 14 x Cột 6 x 110%) + (Cột 15 x Cột 6 x 100%)

Cột 9:

- Khóa 2016, 2017, 2018: =cột 8/(cột 2*70%) (do suất chuẩn là giới 70%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

LÃNH ĐẠO KHOA

Trương Hoàng Vinh